Phụ lục 79
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ AN CƯ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 2, 3, 5, 7, 9, 13, 33, 34 Phụ lục 79 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1	1	Đường tỉnh 948		
		- Từ bọng Đây Cà Tưa - ranh nhà máy xay lúa Huỳnh Văn Lâm (tờ 113, thửa 221)	307	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ bọng Đây Cà Tưa đến ranh nhà máy xay lúa Huỳnh Văn Lâm (tờ 8, thửa 221))
		Từ Nhà máy xay lúa Huỳnh Văn Lâm (tờ 113, thửa 221) - ranh đầu chợ Văn Giáo (về hướng Vĩnh Trung).	690	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Nhà máy xay lúa Huỳnh Văn Lâm (tờ 8, thửa 221) đến ranh đầu chợ Văn Giáo (về hướng Vĩnh Trung))
		- Từ ranh đầu chợ Văn Giáo - hết ranh Văn phòng Ấp Mằng Rò (hướng về Vĩnh Trung)	690	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh đầu chợ Văn Giáo đến hết ranh Văn phòng Ấp Mằng Rò (hướng về Vĩnh Trung))

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Từ hết ranh văn phòng ấp Mằng Rò - Cầu Bưng Tiền	256	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ hết ranh văn phòng ấp Mằng Rò (hướng về Vĩnh Trung) đến Cầu Bưng Tiền)
		Từ cầu Bưng tiền đến Nhà ông Huỳnh Thanh Hải (tờ 155, thửa 327)	200	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh Văn Giáo đến ranh Trung tâm hành chính Vĩnh Trung)
		- Từ ranh nhà Ông Huỳnh Thanh Hải (tờ 155, thửa 327) - ngã 4 Hương lộ 11	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ngã 4 Hương lộ 11 đến Nhà Ông Huỳnh Thanh Hải (tờ 12, thửa 327) (Hướng về Nhà Bàng))
		Từ lộ Tà lập đến giáp ranh phường Chi Lăng	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh Trung tâm hành chính Vĩnh Trung đến ranh phường Chi Lăng)
2	2	Đường tỉnh 949 (Hương lộ 17 cũ)		
		- Từ ranh phường Tịnh Biên đến ranh ngã 3 Phú cường (thửa 300, tờ 59)	191	Sửa Tên; Từ ranh phường Tịnh Biên đến ranh Trung tâm hành chính xã)
		Từ Ngã 3 Phú Cường (thửa 300, tờ 59) - đường máng Trạm bơm 3/2 (thửa 36, tờ 171) về hướng xã Tri Tôn	345	Gộp đoạn; Từ Ngã 3 Phú Cường (thửa 300, tờ 59) - UBND xã An Cư; Từ UBND xã An Cư - đường máng Trạm bơm 3/2 (thửa 36, tờ 171) về hướng xã Tri Tôn

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		Từ đường máng Trạm bơm 3/2 đến ranh chợ Ba Xoài	191	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ anh Trung tâm hành chính xã đến ranh Trung tâm chợ An Cư)
		Từ ranh chợ Ba xoài đến hết ranh trường Tiểu Học “B” An Cư (về hướng Tri Tôn, tờ 35, thửa 235)	552	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh chợ đến hết ranh trường Tiểu Học “B” An Cư (về hướng Tri Tôn, tờ 35, thửa 235))
		- Từ Ranh trường tiểu học ""B"" An Cư - hết ranh nhà ông 4 Thạnh (tờ 191, thửa 102)	191	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Ranh Trung tâm chợ An Cư đến nhà ông 4 Thạnh (tờ 38, thửa 102))
3	3	Hương lộ 11		
		- Từ UBND xã An Cư đến đường máng Trạm bơm 3/2 (về hướng ĐT- 948, tờ 158, thửa 58)	345	Sửa tên đường (Tên cũ: từ UBND xã An Cư đến đường máng Trạm bơm 3/2 (về hướng Vĩnh Trung, tờ 22, thửa 58))
		- Từ đường máng Trạm bơm 3/2 - ngã 4 Soài chếk	152	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh Trung tâm hành chính xã đến Ngã 4 Soài Chếk)
		- Từ Ngã 4 Soài Chếk - ranh xã Đội Vĩnh Trung ""cũ""	102	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ngã 4 Soài Chếk đến ranh Vĩnh Trung)

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Từ ranh xã Đội Vĩnh Trung ""cũ"" - ranh phường Chi Lăng	300	Gộp đoạn; Từ ranh xã Đội Vĩnh Trung ""cũ"" - Đường tỉnh 948; Từ đường tỉnh 948 - Cống số 1 (300m, hướng ranh phường Chi Lăng); Từ Cống số 1 - ranh phường Chi Lăng
4	5	Hương lộ 6: Từ đường tỉnh 948 đến ranh phường Tịnh Biên	127	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh Văn Giáo đến ranh phường Tịnh Biên)
5	7	Đường Phú Cường: Từ đường tỉnh 949 đến ranh phường Tịnh Biên (hướng về Núi Phú Cường)	89	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ngã 3 Phú Cường đến ranh phường Tịnh Biên)
6	9	Đường phum Sóc Rè (Từ Cổng chùa Sóc Rè đến hết đường khu dân cư Sóc Rè)	89	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường phum Sóc Rè: Từ Cổng chùa Sóc Rè đến Đường vào Bãi rác)
7	13	Đường Tây Trà Sư: Từ ranh phường Thới Sơn đến ranh phường Chi Lăng	256	Sửa giá; Đường Tây Trà Sư: Từ ranh Thới Sơn đến ranh Vĩnh Trung
8	33	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >=3m được trải bê tông hoặc nhựa)
9	34	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
II	**BỔ SUNG**			
1		Từ ranh chợ Ba Xoài đến chùa Ba Xoài và các tuyến đường trong Phum Ba Xoài	200	Bổ sung
2		Đường Sóc Rè - Cây Khoa: Từ đầu đường khu dân cư Sóc Rè đến chùa Cây Khoa	150	Bổ sung
3		Đường vào bãi rác: từ đường tỉnh 949 đến hết bãi rác	150	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	34	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	120	

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Khu vực Vĩnh Trung cũ**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực: ấp Vĩnh Hạ, ấp Vĩnh Tây, ấp Vĩnh Đông, ấp Vĩnh Lập, ấp Vĩnh Tâm)**
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	Đường tỉnh 948		
b	b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp 1, 2)		
c	c	Tiếp giáp với các khu vực, kênh còn lại	28	
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Đường tỉnh 948		
b	b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp 1, 2)		
c	c	Tiếp giáp với các khu vực, kênh còn lại	37	
3	3	Đất rừng	15	

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
II	**II**	**Khu vực An Cư cũ**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực: ấp Bà Đen, ấp Ba Xoài, ấp Chơn Cô, ấp Pô Thi, ấp Vĩnh Thượng, ấp Xoài Chết)**
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	Đường tỉnh 949		
c	c	Tiếp giáp với các khu vực, kênh còn lại	28	
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Đường tỉnh 949		
c	c	Tiếp giáp với các khu vực, kênh còn lại	37	
3	3	Đất rừng	15	
III	**III**	**Khu vực Văn Giáo cũ**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực: ấp Đây Cà Hom, ấp Mằng Rò, ấp Srây Skốth, ấp Văn Trà)**
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	Đường tỉnh 948		

TT	Số TT PL79 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
b	b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp 1, 2)		
c	c	Tiếp giáp với các khu vực, kênh còn lại	28	
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Đường tỉnh 948		
b	b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp 1, 2)		
c	c	Tiếp giáp với các khu vực, kênh còn lại	36	
3	3	Đất rừng	15	